

**CÔNG TY CPTH GỖ TÂN MAI    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/CV.GTM

V/v: Công bố Báo cáo tài chính  
năm 2023 đã kiểm toán

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội


1. Tên Công ty : Công ty Cổ Phần Tổng Hợp Gỗ Tân Mai
2. Mã chứng khoán: TMW
3. Địa chỉ: 84, Nguyễn Văn Hoa, P.Thống Nhất, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
4. Điện thoại : 0251 3823730                      Fax: 0251 3823731
5. Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN THỊ KIM TRANG**
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ Phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai được lập và được kiểm toán vào ngày 25 /03/2024, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Các tài liệu đính kèm: Văn bản số 18 /CV.GTM ngày 26/03/2024 v/v giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận sau thuế 2023 so với cùng kỳ năm 2022

7. Toàn bộ báo cáo tài chính và văn bản giải trình được đăng tải trên website Công ty mục “ Quan hệ cổ đông”

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố .

**GIÁM ĐỐC**  
  
**DƯƠNG THỊ MỸ DUNG**

Số: 18 /CV.GTM

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024

V/v : Giải trình tăng lợi nhuận sau thuế  
năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022

**Kính gửi :** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tổ chức niêm yết : Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai - Mã chứng khoán : TMW  
Mã ISIN : VN000000TMW3 – Sàn giao dịch : UPCOM  
Trụ sở : Số 84 Nguyễn Văn Hoa, P.Thống Nhất, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
Người thực hiện CBTT : Nguyễn Thị Kim Trang – P.Tổ chức Hành chính  
Loại thông tin công bố : Bất thường  
Thông tin công bố : Giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận sau thuế năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022.

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai xin được giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán như sau :


Đơn vị tính : đồng Việt Nam

stt	Nội dung	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ
1	Doanh thu (Tổng thu nhập)	93.590.578.894	46.839.553.840	199,81%
2	Chi phí	80.876.400.099	38.953.052.674	207,62%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.104.377.247	6.176.882.397	163,58%

Lý do : Tổng thu nhập tăng 46.751.025.054 đồng tương ứng tỷ lệ tăng 99,81% so với cùng kỳ năm 2022, tổng chi phí tăng 41.923.347.425 đồng tương ứng tỷ lệ tăng 107,62 % so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 3.927.494.850 tăng 63,58% so với cùng kỳ năm 2022.

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai kính trình đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng.

  
**GIÁM ĐỐC**  
**Dương Thị Mỹ Dung**

**Nơi nhận :**

- Như trên
- Lưu văn thư, CBTT

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 39

895  
101  
HH  
TO,  
ỆT  
HỒ



## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006 với các lần thay đổi, lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ tám ngày 05 tháng 4 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251. 3826940 / 8880201 / 3823730
- Fax : 0251. 3823731
- Website : [www.wood-tanmai.com.vn](http://www.wood-tanmai.com.vn)
- Email : [gotanmai@gotanmai.vn](mailto:gotanmai@gotanmai.vn) / [sales@wood-tanmai.com.vn](mailto:sales@wood-tanmai.com.vn).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo thông báo số 741/TB-SGDHN ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán: TMW
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký: 4.662.350 Cổ phiếu
- Tổng giá trị: 46.623.500.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác: Sản xuất ván ép, ván dăm;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻ bện: Sản xuất hàng mộc tinh chế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh cơ sở hạ tầng. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ) (trừ động vật hoang dã thuộc danh mục cấm);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.

Trong năm 2023, hoạt động chính của Công ty là sản xuất ván ép, cho thuê bất động sản, kinh doanh mua bán nông sản.

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Đức Bình	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Phó Chủ tịch	
Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân	Thành viên	
Ông Phạm Lan Đình	Thành viên	

**Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Xuân Hằng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Trang	Thành viên
Bà Mai Xuân	Thành viên

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Bà Dương Thị Mỹ Dung, chức vụ Giám đốc.

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

**5. Công bố trách nhiệm của Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 6. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà **DƯƠNG THỊ MỸ DUNG**

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2024





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

Số: 349/2024/BCKT-HCM.01203



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**NGUYỄN THỊ THANH MINH**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**NGUYỄN NGỌC ANH TRÚC**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5517-2021-009-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>76.306.106.345</b>	<b>39.377.147.837</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>2.080.384.986</b>	<b>1.431.756.094</b>
Tiền	111		2.080.384.986	1.431.756.094
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.370.000.000</b>	<b>17.200.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	12.370.000.000	17.200.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.741.857.793</b>	<b>8.807.779.776</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	52.773.787.661	6.625.974.674
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	181.218.943	48.500.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.2.2	-	4.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	382.632.980	529.311.332
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.595.781.791)	(2.396.006.230)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>11.001.333.136</b>	<b>11.722.306.123</b>
Hàng tồn kho	141		11.001.333.136	11.722.306.123
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>112.530.430</b>	<b>215.305.844</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	112.530.430	215.305.844
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

004  
CÓ  
T  
KIỂM  
C VI  
TPI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>57.080.075.829</b>	<b>60.320.232.084</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.159.133.594</b>	<b>27.747.916.680</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	26.159.133.594	27.747.916.680
Nguyên giá	222		86.458.783.388	86.458.783.388
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.299.649.794)	(58.710.866.708)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
Nguyên giá	228		167.243.000	167.243.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.243.000)	(167.243.000)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.11	<b>30.629.200.096</b>	<b>32.390.424.304</b>
Nguyên giá	231		59.564.143.487	59.564.143.487
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.934.943.391)	(27.173.719.183)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>50.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	50.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>291.742.139</b>	<b>131.891.100</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	291.742.139	131.891.100
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>133.386.182.174</b>	<b>99.697.379.921</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.236.098.633</b>	<b>16.921.793.627</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.200.632.201</b>	<b>11.166.327.195</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.457.286.480	994.568.813
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	94.002.782	133.704.698
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	970.055.753	736.930.158
Phải trả người lao động	314		1.341.018.616	1.262.793.766
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.258.251.256	4.252.524.171
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		25.090.908	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	3.460.111.642	3.528.142.125
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	26.410.000.000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	184.814.764	257.663.464
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.035.466.432</b>	<b>5.755.466.432</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	6.035.466.432	5.755.466.432
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>89.150.083.541</b>	<b>82.775.586.294</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>89.150.083.541</b>	<b>82.775.586.294</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.623.500.000	46.623.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		46.623.500.000	46.623.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		24.225.364.017	24.225.364.017
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.301.219.524	11.926.722.277
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		8.196.842.277	5.749.839.880
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		10.104.377.247	6.176.882.397
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>133.386.182.174</b>	<b>99.697.379.921</b>



**PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN**  
Người lập biểu



**PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN**  
Kế toán trưởng



**DƯƠNG THỊ MỸ DUNG**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	91.860.556.295	45.677.901.901
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.860.556.295	45.677.901.901
Giá vốn hàng bán	11	6.2	75.026.731.511	29.605.242.499
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.833.824.784</b>	<b>16.072.659.402</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.692.658.685	927.009.194
Chi phí tài chính	22	6.4	324.443.836	860.350
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		324.443.836	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	100.212.165	160.443.223
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.424.887.659	8.940.060.381
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.676.939.809</b>	<b>7.898.304.642</b>
Thu nhập khác	31	6.7	37.363.914	234.642.745
Chi phí khác	32	6.8	124.928	246.446.221
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>37.238.986</b>	<b>(11.803.476)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.714.178.795</b>	<b>7.886.501.166</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.17	2.609.801.548	1.709.618.769
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>10.104.377.247</b>	<b>6.176.882.397</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.167	1.325

  
**PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN**  
 Người lập biểu

  
**PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN**  
 Kế toán trưởng

  
**DUYANG THỊ MỸ DUNG**  
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	12.714.178.795	7.886.501.166
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.350.007.294	3.797.563.207
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	199.775.561	(2.723.337.122)
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	04	(836.435)	(242.120)
Chi phí lãi vay	05	(1.691.822.250)	(926.767.074)
Các khoản điều chỉnh khác	06	324.443.836	-
	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>14.895.746.801</b>	<b>8.033.718.057</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(46.160.929.441)	11.365.626.583
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	720.972.987	(3.293.874.884)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.026.864.328	3.167.566.471
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(57.075.625)	54.680.347
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(324.443.836)	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.655.332.170)	(1.470.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(72.848.700)	(105.178.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(32.627.045.656)</b>	<b>17.752.538.074</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(90.000.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(33.180.000.000)	(40.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.060.000.000	24.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.718.898.113	864.374.745
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>10.598.898.113</b>	<b>(15.525.625.255)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	41.330.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.920.000.000)	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.734.060.000)	(3.687.543.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>22.675.940.000</b>	<b>(3.687.543.250)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>647.792.457</b>	<b>(1.460.630.431)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>1.431.756.094</b>	<b>2.892.144.405</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	836.435	242.120
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>2.080.384.986</b>	<b>1.431.756.094</b>

  
**PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN**  
 Người lập biểu

  
**PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN**  
 Kế toán trưởng

  
  
**DƯƠNG THỊ MỸ DUNG**  
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006 với các lần thay đổi, lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ tám ngày 05 tháng 04 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo thông báo số 741/TB-SGDHN ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán: TMW
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký: 4.662.350 Cổ phiếu
- Tổng giá trị: 46.623.500.000 đồng

##### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

##### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất ván ép, cho thuê bất động sản.

##### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Xí nghiệp Ván Ép Tân Mai	Ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất ván ép

##### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

##### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 73 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 81 người).

#### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

044  
CÓN  
TNI  
SIEM T  
C VIỆ  
TPH

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



#### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí thực hiện sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Chi phí bảo hiểm***

Chi phí bảo hiểm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 12 tháng.

##### ***Chi phí công cụ dụng cụ***

Chi phí công cụ, dụng cụ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

#### **4.8 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35 năm
Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15 năm

#### 4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
Cơ sở hạ tầng	05 – 20 năm

#### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### 4.12 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### **4.18 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.19 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, cho vay ngắn hạn, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

##### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4.20 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thanh Bình	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông lớn
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông lớn
Hội đồng quản trị, Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	76.209.389	86.885.602
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	1.980.703.463	1.321.654.382
- USD	18.203.905	18.018.065
- EUR	5.268.229	5.198.045
	<b>2.080.384.986</b>	<b>1.431.756.094</b>

Chi tiết số dư gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	757,56	18.203.905
- EUR	199,78	5.268.229
		<b>23.472.134</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	12.370.000.000	12.370.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000
	<b>12.370.000.000</b>	<b>12.370.000.000</b>	<b>17.200.000.000</b>	<b>17.200.000.000</b>
<b>Dài hạn</b>				
Trái phiếu	-	-	50.000.000	50.000.000
	-	-	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

(1) Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn tại 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 - 07 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội ("SHB") với lãi suất 5,3 - 7,3%/năm;
- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank") với lãi suất 4,3 - 4,7%/năm;

**5.2.2 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn – Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thanh Bình (*)	-	4.000.000.000
	<u>-</u>	<u>4.000.000.000</u>

(\*) Khoản cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 014/22/V-TM-TB ngày 26 tháng 07 năm 2022 có thời hạn vay đến ngày 26 tháng 07 năm 2023 với lãi suất 12%/năm.

**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>				
Công ty TNHH Việt Thái Lan	43.995.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Gỗ Minh Quân	1.204.234.175	-	680.343.375	-
Công ty Cổ phần Gỗ Đức Bảo	1.702.081.830	(1.702.081.830)	1.702.081.830	(1.702.081.830)
Chi nhánh Công ty TNHH KNA Apparel Sourcing (Việt Nam)	923.884.826	(277.165.448)	923.884.826	(277.165.448)
Các khách hàng khác	4.948.586.830	(585.534.513)	3.319.664.643	(385.758.952)
	<u>52.773.787.661</u>	<u>(2.564.781.791)</u>	<u>6.625.974.674</u>	<u>(2.365.006.230)</u>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Trả trước người bán khác</b>		
Ông Trần Ngọc Danh	31.000.000	31.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	150.218.943	17.500.000
	<u>181.218.943</u>	<u>48.500.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu về tạm ứng	38.534.997	-	34.805.681	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	202.604.959	-	229.680.822	-
Ký quỹ, ký cược	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu khác	121.493.024	-	244.824.829	-
	<b>382.632.980</b>	<b>-</b>	<b>529.311.332</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
Công ty Cổ phần Gỗ Đức Bảo – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.702.081.830	-	Trên 3 năm	1.702.081.830	-
Chi nhánh Công ty TNHH KNA Apparel Sourcing (Việt Nam)	1 - 2 năm	923.884.826	461.942.413	Trên 06 tháng dưới 01 năm	923.884.826	646.719.378
Công ty TNHH Samwoo VN	1 - 2 năm	74.992.977	37.496.488	Trên 06 tháng dưới 01 năm	74.992.977	52.495.084
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	363.261.059	-	Trên 3 năm	363.261.059	-
Trần Ngọc Danh – trả trước người bán	Trên 3 năm	31.000.000	-	Trên 3 năm	31.000.000	-
		<b>3.095.220.692</b>	<b>499.438.901</b>		<b>3.095.220.692</b>	<b>699.214.462</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Tổng VND
Tại ngày đầu năm	(2.365.006.230)	(31.000.000)	(2.396.006.230)
Trích lập trong năm	(199.775.561)	-	(199.775.561)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>(2.564.781.791)</b>	<b>(31.000.000)</b>	<b>(2.595.781.791)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.756.173.684	-	3.064.907.762	-
Công cụ, dụng cụ	87.276.130	-	88.055.273	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	319.131.991	-	570.919.024	-
Thành phẩm	7.838.751.331	-	7.998.424.064	-
	<b>11.001.333.136</b>	<b>-</b>	<b>11.722.306.123</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản Khác	95.424.927 17.105.503	201.123.344 14.182.500
	<b>112.530.430</b>	<b>215.305.844</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	291.742.139	131.891.100
	<b>291.742.139</b>	<b>131.891.100</b>

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2023	52.411.107.036	30.259.255.803	3.141.294.796	647.125.753	86.458.783.388
Tại ngày 31/12/2023	<b>52.411.107.036</b>	<b>30.259.255.803</b>	<b>3.141.294.796</b>	<b>647.125.753</b>	<b>86.458.783.388</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2023	24.932.975.275	30.182.755.803	2.948.009.877	647.125.753	58.710.866.708
Khấu hao trong năm	1.494.453.990	18.000.000	76.329.096	-	1.588.783.086
Tại ngày 31/12/2023	<b>26.427.429.265</b>	<b>30.200.755.803</b>	<b>3.024.338.973</b>	<b>647.125.753</b>	<b>60.299.649.794</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2023	29.018.835.994	209.413.548	269.614.015	-	29.497.863.557
Tại ngày 31/12/2023	<b>25.983.677.771</b>	<b>58.500.000</b>	<b>116.955.823</b>	<b>-</b>	<b>26.159.133.594</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 41.005.824.357 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 40.701.267.855 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2023	167.243.000
Tăng trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>167.243.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2023	167.243.000
Khấu hao trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>167.243.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2023	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 01 tháng 01 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 167.243.000 VND.

**5.11 Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2023	55.570.716.023	3.993.427.464	59.564.143.487
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>55.570.716.023</b>	<b>3.993.427.464</b>	<b>59.564.143.487</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2023	23.180.291.719	3.993.427.464	27.173.719.183
Khấu hao trong năm	1.761.224.208	-	1.761.224.208
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>24.941.515.927</b>	<b>3.993.427.464</b>	<b>28.934.943.391</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2023	<b>32.390.424.304</b>	-	<b>32.390.424.304</b>
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>30.629.200.096</b>	-	<b>30.629.200.096</b>

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng, cơ sở hạ tầng có vị trí tại xã Thiện Tân, Xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Hệ thống điện sản xuất, chiếu sáng	2.300.000.000	2.300.000.000	-
Hệ thống kim thu sét - nhà văn phòng	34.480.000	34.480.000	-
Nhà xưởng	42.000.000.000	15.633.333.374	26.366.666.626
Đường vào xưởng sản xuất	58.303.983	58.303.983	-
Nhà bảo vệ	56.371.472	56.371.472	-
Trạm biến áp 560kva	422.827.272	422.827.272	-
Hệ thống điện sản xuất, chiếu sáng	930.750.363	930.750.363	-
Hệ thống chống sét	159.090.909	159.090.909	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Máy bơm phòng cháy chữa cháy	35.000.000	35.000.000	-
Hệ thống báo cháy nhà xưởng	82.400.000	82.400.000	-
Nhà xả dăm	376.124.000	376.124.000	-
Hồ nước Phòng cháy chữa cháy	310.000.000	213.125.010	96.874.990
Sân đường mở rộng	73.833.640	73.833.640	-
Nhà hút bụi	22.045.130	22.045.130	-
Bờ kè	54.182.028	54.182.028	-
Nhà xưởng sản xuất	8.541.933.594	4.388.078.545	4.153.855.049
Máy bơm Phòng cháy chữa cháy	35.000.000	35.000.000	-
Hệ thống cứu hỏa	28.358.920	28.358.920	-
Kho 17a	541.368.000	541.368.000	-
Kho 14	2.378.206.069	2.378.206.069	-
Kho 12	703.316.886	703.316.886	-
Đường nội bộ	96.614.000	96.614.000	-
Kho 17b	80.937.221	69.133.790	11.803.431
Kho 13	243.000.000	243.000.000	-
	<b>59.564.143.487</b>	<b>28.934.943.391</b>	<b>30.629.200.096</b>

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ việc cho thuê	18.929.798.266	16.969.662.178
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	5.331.665.829	5.465.055.577
Chi phí không trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	3.301.344.466	2.614.294.909

Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>				
Công ty TNHH MTV Gỗ Đạt Lợi	572.867.494	572.867.494	-	-
Công ty TNHH MTV SX TM DV Thiên Phước	273.360.122	273.360.122	-	-
Công ty TNHH Veneer Phong Thuận	228.210.354	228.210.354	-	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Mỹ	-	-	598.536.000	598.536.000
Công ty TNHH MTV Gỗ Nguyễn Hồng Nguyễn	-	-	55.318.784	55.318.784
Các nhà cung cấp khác	382.848.510	382.848.510	340.714.029	340.714.029
	<b>1.457.286.480</b>	<b>1.457.286.480</b>	<b>994.568.813</b>	<b>994.568.813</b>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Nguyễn Thanh Hùng	-	55.200.000
<b>Người mua trả tiền trước khác</b>		
Mitsui Bussan I – Fashion Limited	69.458.127	69.458.127
Công ty TNHH Thiết kế In ấn Diệp Trần	15.876.000	-
Các khách hàng khác	8.668.655	9.046.571
	<b>94.002.782</b>	<b>133.704.698</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp, (phải thu) Nhà nước**

	01/01/2023 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2023 VND
Thuế GTGT	243.024.401	2.513.119.505	(2.406.664.049)	349.479.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	485.332.170	2.609.801.548	(2.655.332.170)	439.801.548
Thuế thu nhập cá nhân	8.573.587	79.020.351	(77.507.184)	10.086.754
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	597.389.559	(426.701.965)	170.687.594
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	<b>736.930.158</b>	<b>5.803.330.963</b>	<b>(5.570.205.368)</b>	<b>970.055.753</b>

**Tiền thuế đất và tiền thuê đất**

Công ty nộp thuế đất, tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Công ty nộp tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng theo hóa đơn của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh nội địa là 10% và 8%, Xuất khẩu 0%, Thu hộ tiền nước 5%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.714.178.795	7.886.501.166
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	334.828.944	661.592.680
Thu nhập chịu thuế	<b>13.049.007.739</b>	<b>8.548.093.846</b>
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	13.049.007.739	8.548.093.846
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phát sinh trong năm	2.609.801.548	1.709.618.769
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
<b>Tổng Thuế TNDN còn phải nộp</b>	<b>2.609.801.548</b>	<b>1.709.618.769</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

<b>Các loại thuế khác</b>		
Công ty kê khai và nộp theo quy định.		
<b>5.15</b>	<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	
		<b>31/12/2023</b>
		VND
		<b>01/01/2023</b>
		VND
	<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	
	Trích trước tiền thuê đất, phí hạ tầng	4.171.584.434
	Chi phí phải trả khác	86.666.822
		<b>4.258.251.256</b>
		<b>4.252.524.171</b>
<b>5.16</b>	<b>Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác</b>	
<b>5.16.1</b>	<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	
		<b>31/12/2023</b>
		VND
		<b>01/01/2023</b>
		VND
	<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>	
	Cổ tức phải trả - Cổ đông không có ảnh hưởng đáng kể	506.929.500
	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa – cổ tức phải trả	1.874.250.000
	Nhận ký quỹ – Đặt cọc tiền thuê nhà xưởng	650.420.000
	Phải trả khác	428.512.142
		<b>3.460.111.642</b>
		<b>3.528.142.125</b>
<b>5.16.2</b>	<b>Phải trả dài hạn khác</b>	
		<b>31/12/2023</b>
		VND
		<b>01/01/2023</b>
		VND
	<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>	
	Công ty TNHH Tokoseiki Việt Nam	2.000.000.000
	Công ty TNHH Tập đoàn Quốc tế Austgrow Việt Nam	1.800.000.000
	Công ty TNHH Parker Seal Việt Nam	1.242.166.432
	Công ty TNHH Samwoo Polymer	543.300.000
	Công ty TNHH Gỗ Minh Quân	450.000.000
	Công ty Cổ phần Y Khoa SKV	-
		<b>6.035.466.432</b>
		<b>5.755.466.432</b>
<b>5.16.3</b>	<b>Nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	
	Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.	
<b>5.17</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	
		<b>31/12/2023</b>
		VND
		<b>01/01/2023</b>
		VND
	<b>Vay các tổ chức và cá nhân khác</b>	
	Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn- CN Biên Hòa (*)	26.410.000.000
		<b>26.410.000.000</b>
		-
		-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	01/01/2023 VND	Vay trong năm VND	Đã trả trong năm VND	31/12/2023 VND
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn- CN Biên Hòa	-	41.330.000.000	(14.920.000.000)	26.410.000.000
	-	<b>41.330.000.000</b>	<b>(14.920.000.000)</b>	<b>26.410.000.000</b>

(\*) Là khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn việt nam - Chi nhánh tỉnh Đồng nai theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5900-LAV-202301440 ngày 05 tháng 10 năm 2023:

Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	Xác định cụ thể trong từng giấy nhận nợ
Thời hạn cấp hạn mức	Từ ngày 05/10/2023 đến hết ngày 05/10/2024
Lãi suất vay	Lãi suất vay được ghi trên từng khế ước nhận nợ;
Hình thức đảm bảo	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ218660, tài sản là Nhà xưởng chế biến gỗ thuộc: thửa đất số 119, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: số: BQ 218573: Tài sản là Nhà xưởng chế biến gỗ thuộc: thửa đất số 279, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (theo thông tin cập nhật ngày 16/03/2023 hiện nay là thửa đất số 279, tờ bản đồ số 55, diện tích 15.159,7 m <sup>2</sup> , xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 853584: Tài sản là Kho chứa nguyên liệu và thành phẩm gỗ chế biến thuộc: thửa đất số 68, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nay là thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14 do đo đạc thành lập bản đồ địa chính mới: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: số: BN 092961): Tài sản là Nhà máy sản xuất ván ép, ván dăm, hàng mộc xuất khẩu thuộc: thửa đất số 284, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (theo thông tin cập nhật ngày 16/03/2023 hiện nay là thửa đất số 284, tờ bản đồ số 55, diện tích 26.561,0 m <sup>2</sup> , xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai)
Hạn mức vay	37.000.000.000 VND
Số dư tại ngày 31/12/2023	26.410.000.000 VND

**5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tại ngày đầu năm	257.663.464	362.841.964
Chi trong năm	(72.848.700)	(105.178.500)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>184.814.764</b>	<b>257.663.464</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoà, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.19 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)****5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2022	46.623.500.000	24.225.364.017	9.479.719.880	80.328.583.897
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(3.729.880.000)	(3.729.880.000)
Lãi trong năm	-	-	6.176.882.397	6.176.882.397
<b>Số dư 31/12/2022</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>24.225.364.017</b>	<b>11.926.722.277</b>	<b>82.775.586.294</b>
Số dư 01/01/2023	46.623.500.000	24.225.364.017	11.926.722.277	82.775.586.294
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	(3.729.880.000)	(3.729.880.000)
Lãi trong năm	-	-	10.104.377.247	10.104.377.247
<b>Số dư 31/12/2023</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>24.225.364.017</b>	<b>18.301.219.524</b>	<b>89.150.083.541</b>

**5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tám ngày 05 tháng 04 năm 2023 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, vốn điều lệ của Công ty là 46.623.500.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn, chi tiết như sau:

	31/12/2023			01/01/2023		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Thanh Bình	2.191.600	21.916.000.000	47,01%	2.191.600	21.916.000.000	47,01%
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	1.544.300	15.443.000.000	33,12%	1.544.300	15.443.000.000	33,12%
Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	302.000	3.020.000.000	6,48%	302.000	3.020.000.000	6,48%
Cổ đông khác	624.450	6.244.500.000	13,39%	624.450	6.244.500.000	13,39%
	<b>4.662.350</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>4.662.350</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>100,00%</b>

**5.19.3 Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu phổ thông	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu phổ thông	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.19.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm 2023, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ.ĐHĐCĐ.GTM ngày 26 tháng 04 năm 2023 như sau:

	<b>VND</b>
• Chia cổ tức cho các cổ đông (8%/ vốn điều lệ)	3.729.880.000

**5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****5.20.1 Tài sản thuê ngoài:**

**Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất sau:**

- Hợp đồng thuê đất số 54/HĐTĐ ngày 08/07/2008 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai gồm các thửa đất: Thửa đất 261 tờ bản đồ số 7 có diện tích 1.785,7 m<sup>2</sup> thửa đất số 9 tờ bản đồ số 18 có diện tích 95.2 m<sup>2</sup> tại phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, thời hạn thuê đến 01/01/2046. Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 4.372,2 đồng/m<sup>2</sup>/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 25/HĐTĐ\_TĐTM ngày 07/02/2012 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai thửa đất số 284, tờ bản đồ số 36 tại ấp 1 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy sản xuất ván ép và hàng mộc để xuất khẩu, thời hạn thuê đến 04/03/2059, Diện tích thuê là 26.561 m<sup>2</sup>. Tiền Thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 6.313 đồng/m<sup>2</sup>/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTĐ ngày 20/05/2010 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai thửa đất 68, tờ bản đồ số 25 tại xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích làm kho chứa nguyên vật liệu và thành phẩm gỗ chế biến, thời hạn thuê đất đến 31/12/2054. Diện tích đất thuê là 12.340,6 m<sup>2</sup>. Tiền Thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 2.690 đồng/m<sup>2</sup>/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 110/HĐTĐ ngày 06/12/2013 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai gồm các thửa đất: Thửa đất 119, tờ bản đồ số 34 tại xã Thiên Tân, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai diện tích 12.806,2 m<sup>2</sup>; thửa đất 279, tờ bản đồ số 36 diện tích 15.159,7 m<sup>2</sup> tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích làm nhà xưởng chế biến gỗ, thời hạn thuê đất đến 15/11/2054. Diện tích đất thuê là 27.965,9 m<sup>2</sup>. Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 6.313 đồng/m<sup>2</sup>/năm áp dụng từ tháng 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 22 tháng 07 năm 2023). Từ ngày 23 tháng 07 năm 2023, đơn giá thuê đất là 21.000 đồng/m<sup>2</sup>/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 76/HĐTĐ-BH1 ngày 01/04/2006 ký với Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi) thửa đất 33, tờ bản đồ số 35 tại đường I, KCN Biên Hòa I, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, thời hạn thuê từ 01/04/2006 đến 12/04/2051. Diện tích đất thuê là 20.425,9 m<sup>2</sup>. Tiền thuê đất trả hàng năm.

**5.20.2 Ngoại tệ**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dolla Mỹ (USD)	757,56	770,76
Đồng Euro (EUR)	199,78	210,29

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoà, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.20.3 Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ông Shin Myung Chul	2.175.987.180	2.175.987.180
Công ty TNHH May mặc SM	801.235.456	801.235.456
Ông Nguyễn Minh Đức	694.584.387	694.584.387
Ông Phạm Trung Kiên	137.500.000	137.500.000
Ông Hà Như Phong	391.638.640	391.638.640
Công ty TNHH Bảy Hồng	83.793.750	83.793.750
Hợp tác xã Quyết Tâm	19.600.000	19.600.000
Công ty TNHH CanDo Vina	570.743.086	570.743.086
	<b>4.875.082.499</b>	<b>4.875.082.499</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	72.930.758.029	28.628.239.723
Doanh thu cho thuê bất động sản	18.929.798.266	16.969.662.178
Doanh thu khác	-	80.000.000
	<b>91.860.556.295</b>	<b>45.677.901.901</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	69.695.065.673	24.140.186.922
Giá vốn cho thuê văn phòng, nhà xưởng	5.331.665.838	5.465.055.577
	<b>75.026.731.511</b>	<b>29.605.242.499</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.688.647.250	926.767.074
Lãi trái phiếu	3.175.000	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	836.435	242.120
	<b>1.692.658.685</b>	<b>927.009.194</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	324.443.836	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	860.350
	<b>324.443.836</b>	<b>860.350</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí vận chuyển	99.667.000	147.480.000
Chi phí ngân hàng	545.165	3.816.585
Chi phí bán hàng khác	-	9.146.638
	<b>100.212.165</b>	<b>160.443.223</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	3.242.516.308	3.178.318.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	267.929.082	274.073.448
Thuế, phí và lệ phí	47.008.263	59.392.396
Tiền thuê đất giai đoạn 2006 đến 2017 (*)	-	3.317.318.741
Chi phí dự phòng	199.775.561	253.885.514
Chi phí dịch vụ bảo vệ, vận chuyển, phí ngân hàng, tiền điện, nước, điện thoại, internet	827.554.128	562.115.812
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	840.104.317	1.294.956.321
	<b>5.424.887.659</b>	<b>8.940.060.381</b>

(\*) Công ty đã ghi nhận tiền thuê đất bổ sung từ giai đoạn năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 3.317.318.741 VND theo công văn số 261/SNZ – XNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi) vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022.

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu từ vi phạm hợp đồng	-	227.836.000
Các khoản thu nhập khác	37.363.914	6.806.745
	<b>37.363.914</b>	<b>234.642.745</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Phạt hành chính	-	6.077.232
Phạt vi phạm hợp đồng	-	235.000.000
Chi phí khác	124.928	5.368.989
	<b>124.928</b>	<b>246.446.221</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Đơn vị	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	10.104.377.247	6.176.882.397
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty			
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	10.104.377.247	6.176.882.397
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP	4.662.350	4.662.350
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	<b>2.167</b>	<b>1.325</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.662.350	4.662.350
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>4.662.350</b>	<b>4.662.350</b>

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	61.834.439.910	18.018.951.929
Chi phí nhân công	10.290.055.712	11.463.231.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.350.007.294	3.797.563.207
Chi phí khác	4.665.868.653	8.690.596.309
	<b>80.140.371.569</b>	<b>41.970.343.230</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	41.330.000.000	-
	<b>41.330.000.000</b>	<b>-</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	14.920.000.000	-
	<b>14.920.000.000</b>	<b>-</b>

## **8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

### ***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.6.

### ***iii. Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>			
Phải trả người bán	1.457.286.480	-	1.457.286.480
Chi phí phải trả	4.258.251.256	-	4.258.251.256
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.422.240.426	6.035.466.432	9.457.706.858
Vay và nợ thuê tài chính	26.410.000.000	-	26.410.000.000
	<b>35.547.778.162</b>	<b>6.035.466.432</b>	<b>41.583.244.594</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</b>			
Phải trả người bán	994.568.813	-	994.568.813
Chi phí phải trả	4.252.524.171	-	4.252.524.171
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.487.270.909	5.755.466.432	9.242.737.341
	<b>8.734.363.893</b>	<b>5.755.466.432</b>	<b>14.489.830.325</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**iv. Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	50.209.005.870	4.260.968.444	50.209.005.870	4.260.968.444
Phải thu khác	344.097.982	494.505.651	344.097.982	494.505.651
Đầu tư	12.370.000.000	17.250.000.000	12.370.000.000	17.250.000.000
Cho vay	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.080.384.986	1.431.756.094	2.080.384.986	1.431.756.094
	<b>65.003.488.838</b>	<b>23.437.230.189</b>	<b>65.003.488.838</b>	<b>23.437.230.189</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	1.457.286.480	994.568.813	1.457.286.480	994.568.813
Chi phí phải trả	4.258.251.256	4.252.524.171	4.258.251.256	4.252.524.171
Các khoản phải trả khác	9.457.706.858	9.242.737.341	9.457.706.858	9.242.737.341
Vay và nợ thuê tài chính	26.410.000.000	-	26.410.000.000	-
	<b>41.583.244.594</b>	<b>14.489.830.325</b>	<b>41.583.244.594</b>	<b>14.489.830.325</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt***

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

***Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt****Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát</b>		
<b>Tổng thù lao</b>		
Ông Phạm Đức Bình – Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Bà Dương Thị Mỹ Dung – Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân – Thành viên	12.000.000	36.000.000
Bà Lê Thị Thanh Tuyền – Thành viên	36.000.000	24.000.000
Ông Phạm Lan Đình – Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Diên Anh Khoa – Thành viên BKS	-	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Trang - Thành viên BKS	18.000.020	18.000.020
Bà Mai Xuân – Thành viên BKS	18.000.000	12.000.000
<b>Thù lao</b>	<b>228.000.020</b>	<b>240.000.020</b>
<b>Thành viên Ban Quản lý</b>		
<b>Lương, thưởng</b>		
Bà Dương Thị Mỹ Dung – Giám đốc	336.423.819	328.956.518
Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân – Kế toán trưởng	289.791.808	273.437.653
Bà Lê Thị Xuân Hằng – Trưởng ban kiểm soát	184.578.155	174.083.130
<b>Tiền lương và các khoản thu nhập khác</b>	<b>810.793.782</b>	<b>776.477.301</b>

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Công ty TNHH Thanh Bình</b>			
	Chia cổ tức	1.753.280.000	1.753.280.000
	Cho vay tiền	-	4.000.000.000
	Lãi cho vay	273.424.657	206.575.343
	Thu lại tiền ứng trước	-	4.500.000.000
	Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	227.836.000
	Mua dịch vụ sửa chữa	42.623.389	40.154.076
	Bù trừ công nợ	3.960.000.000	-
	Mua nông sản, thực phẩm	44.358.800.000	-
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai</b>			
	Chia cổ tức	1.235.440.000	1.235.440.000
<b>Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai</b>			
	Chia cổ tức	241.600.000	241.600.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công nợ với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Thanh Bình	Phải thu về cho vay	-	4.000.000.000

**8.2 Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Kinh doanh ché biến gỗ VND	Kinh doanh nông sản VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	21.897.698.529	51.033.059.500	18.929.798.266	91.860.556.295
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.457.332.856	778.359.500	9.441.247.453	12.676.939.809
Tài sản bộ phận	20.235.954.417	-	113.150.227.756	133.386.182.173
Nợ phải trả bộ phận	19.677.850.341	-	24.558.248.291	44.236.098.632

**Theo khu vực địa lý:**

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	91.860.556.295	-	91.860.556.295
Tài sản bộ phận	-	-	133.386.182.173

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN**  
Người lập



**PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN**  
Kế toán trưởng



**DƯƠNG THỊ MỸ DUNG**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2024